

**ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

**BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ B16QTH_ TRỪ KTẾ+KT&CN

TÊN HỌC PHẦN: LÝ THUYẾT XÁC SUẤT & THỐNG KÊ ĐỘT HỌC 4

MÃ HỌC PHẦN : STA - 151 TÍN CHỈ 3

Ngày thi: 27/10/2011

LẦN THI 1

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10		10		25				55	100			
1	142337559	Đoàn Thị Ngọc	Yến	B16QTH1	2		0		0				HP	0.0	Khăng		
2	162330659	Phạm Thị Vân	Anh	B16QTH1	0		0		0				V	0.0	Khăng		
3	162330663	Nguyễn Thị Thanh	Bình	B16QTH1	7		9		10				7	8.0	Tam		
4	162330666	Võ Hoàng Thái	Bình	B16QTH1	9		9		10				7	8.2	Tam pháp Hai		
5	162330667	Nguyễn Thị	Bông	B16QTH1	9		9		8				6	7.1	Baý pháp Mất		
6	162330669	Huỳnh Lê Bảo	Châu	B16QTH1	10		10		8				8	8.4	Tam pháp Bấu		
7	162330677	Nguyễn Thị	Diễm	B16QTH1	10		10		8				7	7.9	Baý pháp Chên		
8	162330690	Trần Thị	Dương	B16QTH1	0		0		0				V	0.0	Khăng		
9	162330707	Nguyễn Thị	Hải	B16QTH1	10		9		8				7.5	8.0	Tam		
10	162330713	Phạm Tiên	Hằng	B16QTH1	8		9		10				5.5	7.2	Baý pháp Hai		
11	162330720	Lê Minh	Hòa	B16QTH1	8		9		8				6.5	7.3	Baý pháp Ba		
12	162330722	Phan Thị	Hòa	B16QTH1	10		9		8				6	7.2	Baý pháp Hai		
13	162330732	Lê Thị Ánh	Hồng	B16QTH1	10		10		8				8	8.4	Tam pháp Bấu		
14	162330741	Đặng Ngọc	Khánh	B16QTH1	6		8		8				3.5	0.0	Khăng		
15	162330748	Nguyễn Thị Kim	Khuyên	B16QTH1	8		9		10				6	7.5	Baý pháp Nam		
16	162330760	Kiều Nguyễn Hoài	Linh	B16QTH1	9		9		10				7.5	8.4	Tam pháp Bấu		
17	162330761	Ngô Lê Khánh	Linh	B16QTH1	9		9		10				6.5	7.9	Baý pháp Chên		
18	162330764	Đoàn Thị Ngọc	Loan	B16QTH1	9		9		8				4	6.0	Sầu		
19	162330769	Nguyễn Thị Kiều	Ly	B16QTH1	10		10		10				7.5	8.6	Tam pháp Sầu		
20	162330776	Lê Thị Hồng	Minh	B16QTH1	9		10		10				4.5	6.9	Sầu pháp Chên		
21	162330779	Lê Thị Tiểu	My	B16QTH1	10		10		10				7.5	8.6	Tam pháp Sầu		
22	162330781	Lê Thị Ngọc	Na	B16QTH1	8		10		10				4	6.5	Sầu pháp Nam		
23	162330794	Lê Thị	Ngọc	B16QTH1	2		8		0				HP	0.0	Khăng		
24	162330796	Phùng Bảo	Ngọc	B16QTH1	10		10		8				8	8.4	Tam pháp Bấu		
25	162330802	Tôn Nữ Xuân	Nhi	B16QTH1	9		9		10				6.5	7.9	Baý pháp Chên		
26	162330803	Nguyễn Thị	Nhung	B16QTH1	8		8		10				7	8.0	Tam		
27	162330814	Nguyễn Thị Hoài	Phương	B16QTH1	7		8		10				4.5	6.5	Sầu pháp Nam		
28	162330818	Trần Thị Thu	Phương	B16QTH1	9		9		10				6.5	7.9	Baý pháp Chên		
29	162330822	Trần Đình	Quang	B16QTH1	9		8		8				6.5	7.3	Baý pháp Ba		
30	162330828	Hoàng Thị Mỹ	Quyên	B16QTH1	7		9		10				2	0.0	Khăng		
31	162330833	Nguyễn Đình Cao	Sang	B16QTH1	8		9		10				6.5	7.8	Baý pháp Tam		
32	162330838	Lê Chí	Tâm	B16QTH1	6		8		8				6	6.7	Sầu pháp Baý		
33	162330839	Phan Thị	Tâm	B16QTH1	7		8		10				6.5	7.6	Baý pháp Sầu		
34	162330871	Phan Thị Bích	Thuận	B16QTH1	9		9		10				6	7.6	Baý pháp Sầu		
35	162330872	Dương Thị Thu	Thùy	B16QTH1	9		9		10				6.5	7.9	Baý pháp Chên		
36	162330888	Ngô Thị Kiều	Trang	B16QTH1	10		10		10				7	8.4	Tam pháp Bấu		
37	162330915	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	B16QTH1	7		9		8				3	0.0	Khăng		
38	162330929	Đặng Quang	Võ	B16QTH1	9		10		10				7.5	8.5	Tam pháp Nam		
39	162330940	Phạm Thị Ánh	Xinh	B16QTH1	10		10		8				7.5	8.1	Tam pháp Mất		
40	162330941	Bùi Thị Ánh	Xuân	B16QTH1	0		0		0				V	0.0	Khăng		

Ngày thi: 27/10/2011

LẦN THI

1

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10		10		25				55	100			
41	162330942	Mai Thị Hoàng	Yến	B16QTH1	7		9		10				4	6.3	Sau pháp Ba		
42	152327091	Nguyễn Thị	Phương	B16QTH2	0		0		0				V	0.0	Khăng		
43	162320249	Phạm Thị Lệ	Diễm	B16QTH2	9		9		9				6	7.4	Báý pháp Bấu		
44	162320292	Hoàng Ái	Linh	B16QTH2	9		10		8				8	8.3	Tâm pháp Ba		
45	162330653	Nguyễn Hữu	An	B16QTH2	9		9		9				6.5	7.6	Báý pháp Sau		
46	162330656	Nguyễn Thị Kim	Anh	B16QTH2	7		8		9				4	6.0	Sau		
47	162330665	Văn Công	Bình	B16QTH2	3		8		9				3	0.0	Khăng		
48	162330671	Đặng Thị Kim	Chung	B16QTH2	8		8		9				7	7.7	Báý pháp Báý		
49	162330672	Đoàn Ngọc	Chung	B16QTH2	3		0		0				HP	0.0	Khăng		
50	162330682	Nguyễn Thị Thùy	Dung	B16QTH2	7		8		9				5	6.5	Sau pháp Nàm		
51	162330683	Trần Thị	Dung	B16QTH2	9		9		9				5	6.8	Sau pháp Tâm		
52	162330686	Nguyễn Long	Duy	B16QTH2	10		10		9				7.5	8.4	Tâm pháp Bấu		
53	162330688	Mai Thị	Duyên	B16QTH2	10		10		8				6	7.3	Báý pháp Ba		
54	162330694	Võ Thành	Đạt	B16QTH2	10		10		8				6.5	7.6	Báý pháp Sau		
55	162330698	Nguyễn Quang	Đức	B16QTH2	0		0		0				V	0.0	Khăng		
56	162330700	Lê Thị Hồng	Gấm	B16QTH2	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
57	162330702	Nguyễn Thị Trà	Giang	B16QTH2	9		10		9				2	0.0	Khăng		
58	162330705	Trần Thu	Hà	B16QTH2	10		10		9				9	9.2	Chên pháp Hai		
59	162330708	Nguyễn Thị Minh	Hải	B16QTH2	9		9		9				6.5	7.6	Báý pháp Sau		
60	162330709	Bùi Thị Mỹ	Hạnh	B16QTH2	10		10		9				5.5	7.3	Báý pháp Ba		
61	162330724	Nguyễn Văn	Hoài	B16QTH2	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
62	162330731	Trương Khánh	Hoàng	B16QTH2	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
63	162330750	Phan Chí	Kiên	B16QTH2	7		8		10				6.5	7.6	Báý pháp Sau		
64	162330754	Huỳnh Thị	Lâm	B16QTH2	7		8		9				9	8.7	Tâm pháp Báý		
65	162330780	Võ Thị Diệu	My	B16QTH2	9		10		9				9.5	9.4	Chên pháp Bấu		
66	162330788	Hoàng Thị	Ngà	B16QTH2	9		9		8				6	7.1	Báý pháp Mấu		
67	162330789	Nguyễn Thị Quỳnh	Ngân	B16QTH2	8		9		9				5	6.7	Sau pháp Báý		
68	162330793	Huỳnh Văn	Ngọc	B16QTH2	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
69	162330797	Trần Thị Như	Ngọc	B16QTH2	6		8		8				2.5	0.0	Khăng		
70	162330808	Trịnh Thị	Oanh	B16QTH2	9		9		9				6	7.4	Báý pháp Bấu		
71	162330829	Phan Nhã	Quyên	B16QTH2	7		9		9				2.5	0.0	Khăng		
72	162330840	Phan Thị Linh	Tâm	B16QTH2	10		10		9				6.5	7.8	Báý pháp Tâm		
73	162330844	Đỗ Ngọc Đan	Thanh	B16QTH2	10		9		9				6	7.5	Báý pháp Nàm		
74	162330856	Nguyễn Thị Phương	Thảo	B16QTH2	9		9		9				5	6.8	Sau pháp Tâm		
75	162330860	Hồ Thị	Thắm	B16QTH2	9		10		8				6	7.2	Báý pháp Hai		
76	162330866	Đàm Vĩnh Gia	Thịnh	B16QTH2	9		10		9				6.5	7.7	Báý pháp Báý		
77	162330867	Lê Tiến	Thịnh	B16QTH2	9		9		9				6.5	7.6	Báý pháp Sau		
78	162330873	Hồ Thị	Thùy	B16QTH2	9		9		9				6.5	7.6	Báý pháp Sau		
79	162330875	Nguyễn Thị	Thủy	B16QTH2	9		10		9				8	8.6	Tâm pháp Sau		
80	162330886	Đỗ Thị Minh	Trang	B16QTH2	10		9		9				6	7.5	Báý pháp Nàm		
81	162330894	Vũ Thị	Trang	B16QTH2	10		9		8				6	7.2	Báý pháp Hai		
82	162330895	Lê Thị Nữ	Trâm	B16QTH2	10		9		9				6.5	7.7	Báý pháp Báý		
83	162330908	Nguyễn Hữu	Tuân	B16QTH2	8		9		8				3.5	0.0	Khăng		

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10		10		25				55	100			
84	162330920	Đậu Thị Tú	Vân	B16QTH2	10		10		9				7	8.1	Tầm pháp	Mắt	
85	162330922	Nguyễn Thị Thanh	Vân	B16QTH2	9		9		9				6.5	7.6	Bảy pháp	Sầu	
86	162330936	Nguyễn Thị Bích	Vy	B16QTH2	9		9		9				5	6.8	Sầu pháp	Tầm	
87	162330944	Nguyễn Thị Bảo	Yến	B16QTH2	10		9		9				4.5	6.6	Sầu pháp	Sầu	
88	162410950	Phuong Lang	Chi	B16QTH2	10		10		9				7	8.1	Tầm pháp	Mắt	
89	162330837	Nguyễn Văn	Sơn	B16QTH2	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
1	152337654	Phan Thị Mỹ	Linh	B15KDN	9		9		8				3.5	0.0	Khăng		
2	152337631	Trương Quốc	Kiểm	B15QTH2	7		9		9				6.5	7.4	Bảy pháp	Bầu	
3	152337597	Lê Thị Diệu	Hòa	B15QTH1	7		9		8				V	0.0	Khăng		
4	142337482	Nguyễn Thị Hồng	Quyên	B14QTH2	8		9		8				6	7.0	Bảy		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU				
STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	70	75%	
2	Số sinh viên nợ	23	25%	
TỔNG CỘNG :		93	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

TTĐT TỪ XA & T.XUYỀN
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 11 năm 2011
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Phạm Hồng Phương

TS. Hồ Văn Nhân

ThS. Nguyễn Hữu Phú